



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯNG MỸ
Chương 32

Mẫu biểu số 48

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số: 960/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2026 của UBND xã Hưng Mỹ)

Loại - khoản: 130-139

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng
			Trạm Y tế xã Hưng Mỹ
A	B	1	2
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
1	Số thu phí, lệ phí		
1.1	Lệ phí		
1.2	Phí		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
2.1	Chi sự nghiệp...		
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
2.2	Chi quản lý hành chính		
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ		
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		
3.1	Lệ phí		
3.2	Phí		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.140.000	5.140.000
1	Chi quản lý hành chính		
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ		
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ		
2	Sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo		
	- Nhiệm vụ khoa học học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ		
	- Nhiệm vụ khoa học học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ		
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo		
	- Nhiệm vụ chuyển đổi số		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số gia đình	5.140.000	5.140.000
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		

4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ(nguồn 12)	5.140.000	5.140.000
	<i>Thực hiện triển khai kiểm tra tiền sử và tiêm chủng bù liều cho trẻ nhập học tại các cơ sở giáo dục, mầm non và tiểu học trên địa bàn xã Hưng Mỹ theo Thông báo số 215/TB-STC ngày 09/4/2026 của Sở Tài Chính</i>	5.140.000	5.140.000
5	Chi đảm bảo xã hội		
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
6	Chi các hoạt động kinh tế		
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ(nguồn 13)		
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ(nguồn 12)		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		
8.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
10	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao		
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	1170719	1170719
	Mã số kho bạc nhà nước nơi giao dịch	0963	0963